

Số: 107/QĐ-UBND

Sơn Tiến, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn
Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; Công văn 3003/BKHCN-TDC ngày 25/9/2018 về việc hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và các yêu cầu của CCHC tại sở KHCN đạt hiệu quả cao;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND xã Sơn Tiến về việc ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO xã Sơn Tiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các bộ phận chuyên môn và cán bộ, công chức UBND xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Sơn Tiến.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Văn phòng UBND, Ban chỉ đạo ISO, thư ký, các bộ phận chuyên môn, các cán bộ, công chức thuộc UBND và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, thư ký ISO.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Xuân Long



**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ SƠN TIỀN
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC
GIẢ TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 10/11/2022)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng			
1	Sổ tay chất lượng và các phụ lục kèm theo	STCL	
2	Hướng dẫn quản lý thông tin dạng văn bản	HD.01	
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02	
4	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp	HD.03	
Quy trình thực hiện các công việc nội bộ			
1	Quy trình đánh giá nội bộ HTQLCL	QT.01	
2	Quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT.02	
3	Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC	QT.03	
4	Đào tạo cán bộ, công chức	QT.04	
5	Xét thi đua khen thưởng	QT.05	
6	Xem xét lãnh đạo	QT.06	
7	Thực hiện thanh quyết toán tại UBND xã Sơn Tiến	QT.07	
Quy trình giải quyết Thủ tục hành chính			
LĨNH VỰC HỘ TỊCH (Quyết định 3509/QĐ-UBND ngày 30/8/2021)			
1	Đăng ký khai sinh	QT.HT.01	
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.02	
3	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.03	
4	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.04	
5	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.05	
6	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.06	
7	Đăng ký kết hôn	QT.HT.07	
8	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	QT.HT.08	

9	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.09	
10	Đăng ký khai tử	QT.HT.10	
11	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	QT.HT.11	
12	Đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.12	
13	Đăng ký giám hộ	QT.HT.13	
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.14	
15	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.15	
16	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.16	
17	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.17	
18	Đăng ký lại khai sinh	QT.HT.18	
19	Đăng ký lại kết hôn	QT.HT.19	
20	Đăng ký lại khai tử	QT.HT.20	
21	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT.HT.21	
22	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.22	
23	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.HT.23	
LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (Quyết định 3509/QĐ-UBND ngày 30/8/2021)			
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.01	
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.02	
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.03	
LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (Quyết định 3509/QĐ-UBND ngày 30/8/2021)			
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.01	
2	Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.CT.02	
3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.03	
4	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.04	
5	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.05	
6	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.06	
7	Chứng thực di chúc	QT.CT.07	
8	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.08	
9	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà	QT.CT.09	

	di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
10	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.10	
11	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.11	
LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (Quyết định 3509/QĐ-UBND ngày 30/8/2021)			
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.PBGDPL.01	
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT.PBGDPL.02	
LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (Quyết định 3509/QĐ-UBND ngày 30/8/2021)			
1	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QT.HGCS.01	
2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT.HGCS.02	
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QT.HGCS.03	
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.HGCS.04	
LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (Quyết định số 2604 ngày 5/8/2019; QĐ 3747 ngày 22/11/2019 và 3110 ngày 8/9/2021)			
1	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.01	
2	Thủ tục đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.02	
3	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT.BTXH.03	
4	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT.BTXH.04	
5	Trợ giúp khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.	QT.BTXH.05	
6	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.BTXH.06	
7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.BTXH.07	
8	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT.BTXH.08	
9	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.BTXH.09	
10	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.	QT.BTXH.10	
11	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng.	QT.BTXH.11	
12	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.	QT.BTXH.12	
13	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.	QT.BTXH.13	
14	Chi trả TCXH hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư	QT.BTXH.14	

	trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.		
15	Quyết định TCXH hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	QT.BTXH.15	
16	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.	QT.BTXH.16	
17	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.	QT.BTXH.17	
LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (Quyết định số 3747 ngày 22/11/2019)			
1	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng tử trần	QT.NCC.01	
2	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng tử trần	QT.NCC.02	
3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.03	
4	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.NCC.04	
5	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT.NCC.05	
6	Giám định vết thương còn sót	QT.NCC.06	
7	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.07	
8	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.08	
9	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT.NCC.09	
10	Giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.10	
11	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCC.11	
12	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.12	
13	Xét tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng”	QT.NCC.13	
14	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCC.14	
15	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	QT.NCC.15	
16	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT.NCC.16	
17	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân	QT.NCC.17	

	nhân		
18	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.NCC.18	
19	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.NCC.19	
20	Trợ cấp hàng tháng/ một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.20	
21	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT.NCC.21	
22	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.NCC.22	
23	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.NCC.23	
24	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	QT.NCC.24	
LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (Quyết định số 2604 ngày 5/8/2019 và 3747 ngày 22/11/2019)			
1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT.PCTNXH.01	
2	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT.PCTNXH.02	
3	Áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	QT.PCTNXH.03	
LĨNH VỰC VIỆC LÀM (Quyết định số 3402 ngày 11/11/2021)			
1	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	QT.VL.01	
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO (Quyết định số 3614 ngày 4/11/2019)			
1	Thông báo tổ chức lễ hội	QT.VHCS.01	
2	Xét tặng Danh hiệu Gia đình văn hóa hằng năm	QT.VHCS.02	
3	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QT.VHCS.03	
4	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	QT.TV.01	
5	Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.TDĐT.01	
LĨNH VỰC TÔN GIÁO (Quyết định 3827 ngày 27/11/2019)			
1	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QT.TG.01	
2	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QT.TG.02	
3	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QT.TG.03	
4	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã, phường,	QT.TG.04	

	thị trấn		
5	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã, phường, thị trấn	QT.TG.05	
6	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QT.TG.06	
7	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, phường, thị trấn	QT.TG.07	
8	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã, phường, thị trấn khác	QT.TG.08	
9	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TG.09	
10	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã, phường, thị trấn của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.TG.10	
LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (Quyết định 3827 ngày 27/11/2019)			
1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.TĐKT.01	
2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.TĐKT.02	
3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT.TĐKT.03	
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT.TĐKT.04	
5	Tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến"	QT.TĐKT.05	
LĨNH VỰC THANH TRA (Quyết định số 1077 ngày 3/4/2020)			
1	Giải quyết khiếu nại	QT.TT.01	
2	Giải quyết tố cáo	QT.TT.02	
3	Tiếp công dân	QT.TT.03	
4	Xử lý đơn	QT.TT.04	
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (QĐ số 2695 ngày 28/7/2021)			
1	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDDĐT.01	
2	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDDĐT.02	
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại	QT.GDDĐT.03	
4	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDDĐT.04	
5	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.GDDĐT.05	
LĨNH VỰC THỦY LỢI (QĐ số 3149 ngày 23/9/2019)			
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi	QT.TL.01	

	công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.02	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.03	
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (Quyết định số 3149 ngày 23/9/2019)			
1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	QT.TT.01	
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (Quyết định số 3149 ngày 23/9/2019 và 620 ngày 20/2/2020)			
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QT.NN.01	
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	QT.NN.02	
LĨNH VỰC KHCN VÀ MÔI TRƯỜNG (Quyết định số 3157 ngày 21/9/2020)			
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT.KHCN.01	
LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (Quyết định số 3149 ngày 23/9/2019 và 3200 ngày 21/9/2021)			
1	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT.PCTT.01	
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT.PCTT.02	
3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT.PCTT.03	
4	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.PCTT.04	
5	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.PCTT.05	
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (Quyết định số 4017 ngày 10/12/2019 và 1599 ngày 21/3/2021)			
1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	QT.ĐĐ.01	
2	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính;	QT.ĐĐ.02	

	thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		
3	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT.ĐĐ.03	
4	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT.ĐĐ.04	
5	Đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT.ĐĐ.05	
6	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT.ĐĐ.06	
7	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT.ĐĐ.07	
8	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QT.ĐĐ.08	
9	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	QT.ĐĐ.09	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	QT.ĐĐ.10	
11	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT.ĐĐ.11	
12	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT.ĐĐ.12	
13	Đăng ký đất đai đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	QT.ĐĐ.13	
14	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.ĐĐ.14	
15	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất	QT.ĐĐ.15	

	liền kề		
16	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT.ĐĐ.16	
17	Đăng ký đất đai lần đầu nhưng chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT.ĐĐ.17	
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (Quyết định số 4017 ngày 10/12/2019)			
	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TNN.01	
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (Quyết định số 4017 ngày 10/12/2019)			
	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT.MT.01	
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (QĐ 2281 ngày 20/7/2020)			
1	Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	QT.TC.01	
2	Thuê tài sản thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị.	QT.TC.02	
3	Chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	QT.TC.03	
4	Bán tài sản công.	QT.TC.04	
5	Bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số <u>151/2017/NĐ-CP</u> ngày 26/12/2017 của Chính phủ.	QT.TC.05	
6	Hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công.	QT.TC.06	
7	Thanh lý tài sản công.	QT.TC.07	
8	Tiêu hủy tài sản công cấp xã	QT.TC.08	
9	Xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	QT.TC.09	
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (Quyết định số 2708 ngày 12/8/2019)			
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	QT.GTVT.01	
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ	QT.GTVT.02	

	05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.		
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	QT.GTVT.03	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký.	QT.GTVT.04	
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký.	QT.GTVT.05	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	QT.GTVT.06	
7	Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT.GTVT.07	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy	QT.GTVT.08	

	nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.		
9	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.	QT.GTVT.09	
LĨNH VỰC KẾ HOẠCH – ĐẦU TƯ (Quyết định số 67 ngày 8/1/2020)			
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	QT.KHĐT.01	
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	QT.KHĐT.02	
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.KHĐT.03	